

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 19/7/2024

“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Xuân Toàn

2. Ông Siu Thun Phrô

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Không

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST – DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H;

Cùng địa chỉ: Thôn F, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Ông N ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/7/2024). Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn K, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn F, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc N) trình bày:

Gia đình ông K, bà T trong quá trình mức mương nước đã mức sâu và sát vào bức tường của gia đình bà nên một thời gian mưa xuống bức tường đã bị đổ, bà đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do bức tường của gia đình bà bị đổ. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải. Tại buổi hoà giải hai bên đã thoả thuận được việc xây dựng lại bức tường, ước lượng chi phí xây dựng nên bà đã rút yêu cầu khởi kiện và Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi xây dựng xong bức tường thì gia đình bà đã tính toán chi phí nguyên vật liệu xây dựng và cũng đã thống nhất với ông K, bà T là ông bà phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bà T đã trả cho vợ chồng bà số tiền

5.000.000 đồng. Đồng thời, bà T cũng đã làm giấy cam đoan sẽ trả số tiền 5.000.000 đồng còn lại cho gia đình bà vào ngày 26/01/2024 (*âm lịch*) tức vào ngày 06/03/2024 dương lịch.

Tuy nhiên, đến thời hạn đã cam kết ông K và bà T vẫn không chịu trả số tiền 5.000.000 đồng và còn có thái độ thách thức, chây ỳ. Nhận thấy quyền và lợi ích của vợ chồng bà bị xâm phạm do ông K, bà T không thực hiện đúng cam kết. Do đó, vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông K và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền 5.000.000 đồng theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 31/01/2024.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ: Hai bên có thoả thuận tại Toà là vợ chồng bà sẽ trực tiếp xây dựng lại bức tường nhưng khi tiến hành đổ nguyên vật liệu để làm thì bà H không đồng ý và tự ý mua nguyên vật liệu, đổ móng ngăn đường mương nước, việc bà H tự ý xây lại bức tường dẫn đến đội chi phí xây dựng lên cao, nên bà chỉ hỗ trợ số tiền để xây lại theo hiện trạng bức tường cũ. Hơn nữa, việc xây mới, ngăn đường mương như bà H xây dựng hiện nay sẽ dẫn đến việc ngập lún tường rào của hộ khác sau mùa mưa này. Do đó bà chỉ trả số tiền 5.000.000 đồng, khi nào gia đình chị H, anh N phá bỏ cái móng ngăn đường mương nước thì bà mới trả hết số tiền 5.000.000 đồng còn lại như đã cam kết tại giấy cam kết lập ngày 31/01/2024.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K trình bày: Ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn và đồng quan điểm với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Ông yêu cầu vợ chồng anh N, chị H phá bỏ phần móng ngăn dòng chảy của mương nước thì vợ chồng ông sẽ thanh toán số tiền 5.000.000 đồng còn lại theo cam kết. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giải quyết Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa ông N, bà H với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn K. Bị đơn có địa chỉ tại thôn F, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy cam đoan về việc trả nợ tiền:

Bà Nguyễn Thị T viết giấy cam đoan về việc trả nợ tiền có nội dung: Tôi là Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn F, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn F, xã I, huyện

C, tỉnh Gia Lai số tiền 5.000.000 đồng là số tiền nợ còn phải thanh toán chi phí nguyên vật liệu, xây dựng bức tường bị đổ. Do điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn nên bà cam đoan sẽ trả dứt điểm số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 26/01/2024 (*âm lịch*) tức ngày 06/3/2024 dương lịch cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H.

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị T viết giấy cam đoan là hoàn toàn tự nguyện, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ngoài ra, khi lập giấy cam đoan bà T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức được lập thành văn bản. Do đó, giấy cam kết về việc trả nợ tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại giấy cam đoan về việc trả nợ tiền lập ngày 31/01/2024, bà Nguyễn Thị T đã cam đoan sẽ trả cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 06/3/2024. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh toán bà T đã không thanh toán số tiền nói trên cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự quy định “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”.

Tại phiên tòa, bà T và ông K cho rằng việc ông bà không thanh toán số tiền 5.000.000 đồng do vợ chồng ông N và bà H xây dựng lại bức tường làm ảnh hưởng đến dòng chảy của mương thoát nước là không có căn cứ bởi tại thời điểm bà T xác lập giấy cam kết về việc trả tiền (*ngày 31/01/2024*) việc xây dựng lại bức tường đã hoàn thành.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét thấy, giấy cam đoan về việc trả tiền do một mình bà Nguyễn Thị T xác lập và ký tên. Tuy nhiên, việc cam kết này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, mặc khác việc làm hư hỏng bức tường của nguyên đơn là vì bảo vệ tài sản chung của gia đình bà T và ông K (*mức mương thoát nước bảo vệ tài sản chung của gia đình*). Vì vậy, cần buộc ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng nói trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K phải liên đới chịu án phí sơ thẩm để công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc N và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005991 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2024.

5. *“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Puh;
- Chi cục THA DS huyện Chư Puh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Ngọc Trung

